TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số:19/2019/HS-ST
Ngày 03 - 4- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Phi và bà Nguyễn Thị Nghị.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ý Tưởng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Dương, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh năm 1995, Nơi sinh và cư trú: Thôn 6, xã PL, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; trình độ văn hoá:9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L, sinh năm 1960; con bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20 tháng 3 năm 2019 đến nay(Có mặt).

-*Người bị hại:* Anh Ngô Tuấn V, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã KL, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1.Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 59, xóm D T, N S L, phường V M, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội.

2.Ông Phạm Văn L, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã P L, huyện C K, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14h ngày 21/3/2018 tại nhà hàng Thắng béo ở thôn 6, xã K L, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc, Phạm Đức T có hành vi

Trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát: 88K1-260.31 của anh Ngô Tuấn V trong cốp xe có giấy đăng kí xe mô tô. Sau đó, T điều khiển xe của anh V đi Hà Nội tìm nơi bán xe. Tại Hà Nội, T bán xe cho một người đàn ông với giá 9.000.000 đồng, sau đó T bỏ trốn không liên lạc gì với gia đình. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ngày 25/6/2018, Phạm Đức T đã đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D.Sau đó T lại tiếp tục bỏ trốn Cơ quan điều tra Công an huyện T D đã ra Quyết định truy nã số 03 ngày 19 tháng 3 năm 2019 và ngày 20 tháng 3 năm 2019 đã bắt được T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07KL-HĐĐGTS ngày 12/4/2018 kết luận: Giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Vision màu sơn đỏ biển kiểm soát: 88K1-260.31 tại thời điểm tháng 3 năm 2018 là 21.500.000 đồng.

Theo lời khai của anh Ngô Tuấn V, anh V bị mất trộm 01 xe mô tô, 01 Chứng minh nhân dân, 01 đăng kí xe, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM, 01 bảo hiểm xe, 01 mũ bảo hiểm và 01 áo mưa. Sau khi bán xe của anh V, T có giữ 01 ví của anh V gồm 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM đã trả lại cho anh V. Còn mũ bảo hiểm và áo mưa, T đã vứt bỏ, anh V không yêu cầu T phải trả lại số tài sản này.

Các nhân viên khác của nhà hàng là anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn Th, anh Phan Văn T , anh Vũ Quang Tr cho biết, khi phát hiện xe mô tô của anh Ngô Tuấn V bị mất trộm đã kiểm tra camera của nhà hàng và phát hiện người dắt xe mô tô của anh V ra khỏi của hàng là Phạm Đức T.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận do không có tiền nên ngày 21/3/2018, T đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh Ngô Tuấn V là đầu bếp của nhà hàng Th Béo. Khoảng 14h cùng ngày, khi thấy mọi người đã ngủ trưa, T xuống bếp lấy chìa khóa xe của anh V để trong hộp để chìa khóa. T điều khiển xe của anh V đi theo Quốc lộ 2B hướng đi Hà Nội. Đi được khoảng 01km, T dừng xe mở cốp phát hiện trong cốp xe có giấy đăng kí xe nên đã điều khiển xe đi Hà Nội tìm nơi bán xe. Tại Hà Nội, T bán xe cho một người đàn ông không quen biết được 9.000.000 đồng sau đó T bỏ đi Bắc Ninh đến ngày 25/6/2018 thì ra đầu thú.

Ông Nguyễn Ngọc B là người đã cho Phạm Đức T cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision màu đỏ Biển kiểm soát: 88.K1 – 260.31. Khi cho T cầm cố, ông B thấy T có giấy tờ đăng kí xe và nghĩ đó là tài sản của T mà không biết đó là tài sản T trộm cắp mà có. Vì vậy, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông B. Ngày 20/4/2018, ông B đã nhận dạng qua ảnh và xác định đúng Phạm Đức T là người đã cầm cố chiếc xe nói trên với số tiền 9.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi biết được T đã cầm cố chiếc xe mô tô của mình với giá 9.000.000 đồng, anh V đã chuộc lại chiếc xe từ ông B với giá 9.200.000 đồng. Ngày 31/7/2018, ông Phạm Văn L là bố đẻ T đã bồi thường lại số

tiền này theo yêu cầu của anh V. Đến nay, anh V không có yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Đối với vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision biển kiểm soát: 88.K1 – 260.31 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Ngô Tuấn V. Ngày 14/4/2018, anh V có đơn xin lại tài sản. Ngày 15/4/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh V.

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKSTD ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội: " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội: Trộm cắp tài sản. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 Đề nghị xử phạt Phạm Đức T từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Về hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự đề nghị xử L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 14h00 ngày 21/3/2018, tại nhà hàng Th Béo ở thôn 6, xã K L, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc, Phạm Đức T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát: 88.K1 – 260.31 của anh Ngô Tuấn V. Tại bản kết luận định giá số 07 ngày 12/4/2018 của Hội đồng định giá kết luận, giá trị của chiếc xe mô tô là 21.500.000 đồng.

[3]Hành vi nêu trên của Phạm Đức T đã phạm vào tội "***Trộm cắp tài sản***". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản **1** Điều **173** của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4]Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu lao động rèn luyện, vì mục đích có tiền để tiêu sài cá nhân mà bị cáo đã tích cực thực hiện hành vi phạm tội.

[5].Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại; người bị hại có đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b,i,s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cần được xem xét khi quyết định hình phạt. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, nhưng sau đó lại tiếp tục bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã phải ra lệnh truy nã và ngày 20 tháng 3 năm 2019 mới bắt được T nên T không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự nguyện ra đầu thú. Với tính chất và mức độ phạm tội như trên cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[7]Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo.

[8]Về vật chứng: 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision biển kiểm soát: 88.K1 – 260.31 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Ngô Tuấn V. Ngày 14/4/2018, anh V có đơn xin lại tài sản. Ngày 15/4/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh V. Việc trả tài sản là hợp pháp nên không xem xét giải quyết.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi biết được T đã cầm cố chiếc xe mô tô của mình với giá 9.000.000 đồng, anh V đã chuộc lại chiếc xe từ ông B với giá 9.200.000 đồng. Ngày 31/7/2018, ông Phạm Văn L đã bồi thường lại số tiền này theo yêu cầu của anh V. Đến nay, anh V không có yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.Cần xác nhận việc bồi thường trên.

[10] Về án phí: Bị cáo Phạm Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên xử:

1.Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội: " Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Phạm Đức T 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 20 tháng 3 năm 2019.

4. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận ông Phạm Văn L đã bồi thường cho anh Ngô Tuấn V 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện T D;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D;
-Công an huyện T D;
- Những người tham gia tố tụng;
-LưuHS,VP,THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Ngọc